

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT

Ngày 24/12/2021

*“V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Nguyễn Anh Ứng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TL-DSPT ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc *“Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”*.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 08/2021/HNGĐ-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk G’Long, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Văn H là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Mai Hiệp, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đăk Lăk; địa chỉ: Số nhà 417 đường Tôn Đức Thắng, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G; địa chỉ: Thôn 1 (Đăk Nang), xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lý A P và bà Giàng Thị C 1; địa chỉ: Cụm 6, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Bùi Thanh T và bà Điều Thị L; địa chỉ: Cụm 6, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Phạm Duy T2 và bà Đinh Thị C2; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Bùi Xuân H; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Trương Văn S và bà Lê Thị H3; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5; địa chỉ: Thôn 1 Văn Miếu, xã V, huyện T7, tỉnh Bắc Giang - Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu Đ; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Bà Giáp Thị Đ1; địa chỉ: Đội 1, xã V, huyện T7, tỉnh Bắc Giang - Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức B3 và bà Nguyễn Thị T5; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn M và bà Nguyễn Thị O; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim H5; địa chỉ: Thôn 1 (Đắk Nang), xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T4; địa chỉ: 36/44/10 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T5; địa chỉ: 60/2b Bùi Văn Thủ, xã BĐ, huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Thị Ngọc T6, sinh ngày 08/12/2004 và cháu Nguyễn Quang H6, sinh ngày 17/02/2007; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Tuyền và cháu Huy: Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông; là người đại diện theo pháp luật - Có mặt.

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Đắk Glong; địa chỉ: Bon R'da, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Đắk Glong: Ông K'N; địa chỉ: Bon R'da, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông; là người đại diện theo pháp luật – Giám đốc - Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X và ông G kết hôn năm 1992, do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2019 làm đơn ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông giải quyết ly hôn theo quyết định số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2019. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn ông bà không tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung được, nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật gồm những loại tài sản sau:

- Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 10, diện tích 627,3m², giấy CNQSDĐ số BS 300745 cấp ngày 27/11/2013.

- Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 779,9m², giấy CNQSDĐ số CS 450234 cấp ngày 04/9/2019.

- Thửa đất diện tích 12.392m² nhận chuyển nhượng của ông Bùi Thanh T tại cụm 6, xã Đăk R'măng, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Thửa đất diện tích 5.866m² nhận chuyển nhượng của ông Lý A P tại cụm 6, xã Đăk R'măng, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Thửa đất diện tích 3.620,5m² nhận chuyển nhượng của ông Phạm Duy T2 tại thôn 7, xã Đăk R'măng, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Thửa đất diện tích 57.065,3m² nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn S, bà Lê Thị H3 tại thôn 5, xã Đăk R'măng, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Thửa đất diện tích 285,2m² nhận chuyển nhượng của ông Bùi X H tại thôn 5, xã Đăk R'măng, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Thửa đất có chiều dài 80m mặt đường nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức B3 tại cụm 16, xã Đăk R'măng huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông,

- Thửa đất có chiều dài 80m mặt đường nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn M tại cụm 07, xã Đăk R'măng huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Thửa đất diện tích 3.000m² đất thổ cư đã có giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông G, bà X tại Tân Yên, Bắc Giang.

Xe cơ giới gồm 02 máy mức 035; 01 xe Ben 18 tấn; 01 xe Ben 10 tấn BKS 48L 0264; 01 xe Ben Ipha 10 tấn BKS 49H 2227; 01 xe 07 chỗ BKS 48A 6263; 01 xe máy SH; 01 xe máy Jupiter.

Về tiền gồm có 200.000.000 đồng tiền phân bón người dân đang nợ; 80.000.000 đồng tiền san lấp mặt bằng người dân đang nợ; 113.000.000 đồng người thân phía gia đình ông G đang nợ (trong đó ông Nguyễn Hữu T4, bà Nguyễn Thị T5 nợ 77.000.000 đồng và 05 chỉ vàng ta, ông Nguyễn Hữu Đ nợ 15.000.000 đồng; Ông Kiên em con chú phía gia đình ông G nợ 1,5 chỉ vàng); tiền cho thuê mặt bằng 02 căn nhà thuộc sở hữu chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản khác gồm có 58 tấn phân bón hóa học; 200 tấm tôn; 01 bộ bàn ghế; 01 bộ tam đa, 01 tượng phật, 01 giàn sấy, tủ sấy, nhà xưởng.

Về nợ chung đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đắk Glong 40.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2020 và ngày 12/7/2021, bà X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia thửa đất số 74, thửa đất số 627 và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đã được cấp giấy CNQSD đất đứng tên ông G, bà X.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông G thừa nhận thửa đất số 74, tờ bản đồ số 10, diện tích 627,3m² và thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 779,9m² và tài sản gắn liền trên đất, đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên ông G, bà X là tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay ông G đang quản lý, sử dụng.

Diện tích 897m² đất tại Đội 1 Vân Miếu, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đây là tài sản riêng của ông G được bố mẹ cho có trước khi kết hôn với bà X; xe ô tô ISUZU đứng tên Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Vận tải Xuân Huy là tài sản riêng của ông.

Đối với các thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Bùi Thanh T, ông Lý A P, ông Phạm Duy T2, ông Nguyễn Đức B3, ông Đỗ Văn M, ông Trương Văn S bằng giấy viết tay, đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Các thửa đất này ông G đã chuyển nhượng cho người khác.

Đối với 02 xe máy múc, 01 xe Ben 18 tấn, 01 xe Ben 10 tấn, 01 xe Ipha không được đăng ký tên ông G, bà X và đã bán cho người khác. Các khoản tiền mặt 200.000.000 đồng và 80.000.000 đồng bà X cho rằng người dân đang nợ là không có; Khoản tiền 77.000.000 đồng và 05 chỉ vàng bà X cho rằng ông T4, bà T5 còn nợ là không đúng, ông T4, bà T5 đã trả xong và sử dụng vào mục đích sinh hoạt của gia đình. Ông Đ không vay khoản nợ 15.000.000 đồng.

Đối với 58 tấn phân bón hóa học, 200 tấn tôn, 01 bộ tam đa, 01 tượng phật là hoàn toàn không có. Khoản nợ 40.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội ông G không biết và không ký hồ sơ vay vốn, nên ông không chấp nhận.

Ông G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X trong đó có thừa đất số 74 và thửa đất số 627 và tài sản gắn liền trên đất. Bởi vì trước khi ly hôn ông G và bà X đã thỏa thuận phân chia tài sản, bà X được chia tiền mặt là 6.280.000.000 đồng do bà X đã giữ từ năm 2016 - 2018. Ông G được chia thửa đất số 74, thửa số 627 và tài sản trên đất, hiện ông G đang quản lý, sử dụng. Ông bà thỏa thuận phân chia tài sản bằng miệng, không lập thành văn bản, ông có ghi âm cuộc nói chuyện và cung cấp cả bản dịch đánh máy bằng giấy, đồng thời ông cung cấp bảng kê sao chép lại trong quá trình buôn bán của bà X từ năm 2016 - 2018 (đánh số từ 01-29 trang). Số liệu chênh lệch từ 6.880.000.000 đồng thành 6.280.000.000 đồng là do sai sót trong việc tính toán. Trường hợp Tòa án phân chia 02 thửa đất theo yêu cầu của bà X thì ông đề nghị phân chia đối với khoản tiền 6.280.000.000 đồng bà X giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý A P và bà Giàng Thị C 1 trình bày: Khoảng năm 2012, ông bà có chuyển nhượng vợ chồng ông G thửa đất tại cụm 6, xã Đắc R'măng, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông; ông bà đã nhận đủ tiền và bàn giao đất, nay không còn quyền lợi gì liên quan đến đất đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng và xin được giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh T và bà Điều Thị L trình bày: Năm 2014 ông bà chuyển nhượng cho bà X, ông G diện tích đất rẫy khoảng 01 ha tại cụm 6, xã Đắc R'măng. Do diện tích đất này đã chuyển nhượng nên vợ chồng ông bà không có yêu cầu gì đối với đất, đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung giữa ông G, bà X theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy T2 và bà Đinh Thị Trúc trình bày: Năm 2018 ông bà có chuyển nhượng cho ông G thửa đất tại thôn 16, xã Đắc R'măng, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông. Nay ông bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi X H trình bày: Năm 2018 ông H thuê ông G mức đất, san lấp mặt bằng; sau khi ông G thực hiện xong thì ông H chuyển nhượng lại cho ông G 6m mặt đường tại thôn 7, xã Đắc R'măng để trừ vào tiền công mức đất, sau đó ông G nhận chuyển nhượng thêm 2m đất mặt đường liền kề với diện tích 6m mặt đường trước đó, tổng cộng là 8m. Nay ông không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến đất, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H3 bày: Bà có nghe chồng là ông Trương Văn S nói có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn G 05ha đất với giá 110.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán hết tiền, việc chuyển nhượng, giao đất và giao tiền như thế nào do ông S thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị T5 trình bày: ông T4, bà trước đây có vay tiền của ông G nhưng nay đã trả hết cho ông G, nên không còn liên quan gì đề nghị Tòa án không đưa ông bà tham gia tố tụng trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giáp Thị Đ1 trình bày: Hiện nay bà Đ1 đang quản lý diện tích đất 897,2m² trong đó có 300m² đất ở và 597,2m² đất vườn thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02, tại thôn 1, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Đất này tài sản riêng của ông G đã được cấp giấy CNQSDĐ vào năm 2003, trên đất có 03 gian nhà cấp 4 do bà Đ1 xây từ năm 1993, sau đó bà cho ông G. Nay bà X yêu cầu chia thửa đất này thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tĩnh trình bày: Ngày 24/10/2018, bà và chồng là Nguyễn Đức B3 có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn G thửa đất tại thôn 7, xã Đắc R'măng, huyện Đắc Glong. Vợ chồng bà đã thực hiện xong việc chuyển nhượng, đã giao đất và nhận đủ tiền nên không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến đất, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M, bà Nguyễn Thị O trình bày: Ngày 06/10/2018, ông bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông G thửa đất tại thôn 7, xã Đắc R'măng, huyện Đắc Glong, đã giao đất và nhận tiền đầy đủ, không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến đất, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Hồng trình bày: Bà Hồng là người thuê nhà của ông G, giá tiền thuê 2.500.000 đồng/tháng, thanh toán 06 tháng/lần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị Tuyến trình bày: Chị T4 và chị Tuyến đều là con đẻ của ông G, bà X. Nay bố mẹ yêu cầu phân chia tài sản, các chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn S, ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đức B3 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Ông K'N là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Đắc Glong trình bày: Năm 2016, Ngân hàng có cho hộ bà X vay 40.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 20/12/2020 và được gia

hạn đến ngày 12/10/2021. Bà X đã rút yêu cầu phân chia đối với khoản nợ nên Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền bà X đã vay, nếu có yêu cầu người vay trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long đã Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về phân chia tài sản chung, nợ chung bà X đã rút. Các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X: Chia cho bà Nguyễn Thị X thửa đất số 74, tờ bản đồ số 10, diện tích 627,3m² có giấy chứng nhận QSDĐ số BS 300745 cấp ngày 27/11/2013 và tài sản gắn liền trên đất. Tài sản có giá trị là: 4.603.409.384 đồng.

Chia cho ông Nguyễn Văn G thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 779,9m² có giấy chứng nhận QSDĐ số CS 450234 cấp ngày 04/9/2019 và tài sản gắn liền trên đất. Tài sản có giá trị là: 6.244.650.377 đồng.

Ông Nguyễn Văn G phải trả cho bà Nguyễn Thị X 820.620.497 (*tám trăm hai mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm chín mươi bảy*) đồng giá trị tài sản chênh lệch.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/7/2021 ông Nguyễn Văn G kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận số tiền bà X đã mang đi và nội dung đã thỏa thuận trong băng ghi âm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng trong thời gian ông G, bà X chưa ly hôn từ năm 2015 đến năm 2018 bà X đã cầm giữ số tiền của vợ chồng là 6.280.000.000 đồng. Ông bà đã thỏa thuận chia tài sản B3 miệng, thể hiện qua băng ghi âm và số liệu ghi trong bản kê được đánh số từ trang 01 đến trang 29. Tuy nhiên, chứng cứ ông G đưa ra không thể hiện việc chia tài sản, mà đó là bảng kê hoạt động kinh doanh, buôn bán của gia đình gồm tiền bán đất, phân bón, không phải là tiền bà X được chia sau khi ly hôn, nên kháng cáo của ông G là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn G làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông G thừa nhận thửa đất số 74, tờ bản đồ số 10, diện tích 627,3m² giấy CNQSD đất số BS 300745 cấp ngày 27/11/2013 và thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 779,9m², giấy CNQSD đất số CS 450234 cấp ngày 04/9/2019, đứng tên ông G, bà X và tài sản gắn liền trên hai thửa đất, tọa lạc tại thôn 1 (Đắk Nang), xã Đắk Som, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông là tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia cho bà X được quyền sử dụng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 10, diện tích 627,3m² và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất; chia cho ông G được quyền sử dụng thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 779,9m² và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Do phần tài sản của ông G có giá trị lớn hơn phần tài sản của bà X, nên ông G phải bù tiền chênh lệch tài sản cho bà X là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1]. Ông G kháng cáo cho rằng trước khi ly hôn ông G, bà X đã tự thỏa thuận chia tài sản (thỏa thuận B3 lời nói, không lập thành văn bản) cụ thể: bà X nhận 6.880.000.000 đồng tiền mặt (Số tiền này do bà X quản lý buôn bán từ năm 2016 – 2018 và tiền bán 04 thửa đất, tiền ông làm máy mức trong 03 năm), phần tài sản còn lại ông G được quyền sở hữu. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc ông bà đã thỏa thuận phân chia tài sản, lời khai của ông G cũng không được bà X thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2.2]. Ngày 15/7/2021 (BL 496), ông G giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm một tập tài liệu là bản phô tô gồm 29 trang với tổng số tiền là 6.880.000.000 đồng (BL 460-495). Do ông G giao nộp chứng cứ là bản phô tô và cũng không có đơn yêu cầu giải quyết đối với số tiền này, mặt khác ông G cung cấp tài liệu trên vào ngày 15/7/2021 (BL 496), sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ. Ông G có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia số tiền trên B3 một vụ án khác nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông.

[2.3]. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án đã yêu cầu ông G cung cấp bản gốc các tài liệu trên và ông G đã cung cấp 01 quyển sổ bìa màu đen, bên trong giấy kẻ ngang, ông thừa nhận được sao chép lại từ sổ buôn bán phân bón của bà X, do bà X đọc cho ông viết, với tổng số tiền là 6.880.000.000 đồng. Ngày 10/11/2021, Tòa án đã làm việc với bà X để làm rõ số tiền trên, nhưng không được bà X thừa nhận. Bà X xác định trong khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông G đã lấy sổ do bà kinh doanh buôn bán phân bón từ năm 2016 - 2018 để ghi chép lại vào sổ của ông G và cho rằng toàn bộ tiền trong suốt quá trình buôn bán cả gốc và lãi là không có căn cứ, bởi vì trong quá trình buôn bán bà phải trả tiền gốc cho công ty, tiền lãi và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nuôi các con ăn học. Số tiền bán 04 thửa đất thì ông G, bà X cùng nhận, sau đó tiếp tục đầu tư mua đất đai lại và xây dựng nhà ở, nhà kho chứa phân. Đối với nội dung bà X viết: *“2018 là đúng số nợ trên, bà X đã cầm đi số tiền này chưa đem về”*. Bà X cho rằng lý do bà viết nội dung trên là do khi vợ chồng cãi nhau ông G lấy sổ của bà để chép lại nên số tiền 2018 bao gồm cả gốc, lãi và tiền sinh hoạt trong gia đình, nuôi con ăn học, chứ không phải tiền mặt ông G đưa cho bà mang đi. Do đó, sau này ông G làm đơn khởi kiện yêu cầu chia số tiền trên, Tòa án sẽ xác minh làm rõ để có căn cứ giải quyết vụ án đảm bảo đúng pháp luật.

[3]. Đối với nội dung yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong tài liệu ông G cung cấp và giám định âm thanh trong băng đĩa ghi âm. Xét thấy, nội dung trong băng đĩa ghi âm đã được ông G sao lại bằng văn bản cuộc nói chuyện của hai vợ chồng (BL 89) được bà X thừa nhận, việc ông G ghi lại trên cơ sở tiền buôn bán từ năm 2016 - 2018, chứ không có khoản tiền mặt nào ông G đưa cho bà X để mang đi, nên không cần thiết phải giám định chữ ký, chữ viết cũng như giám định âm thanh giọng nói của bà X trong các tài liệu ông G đã cung cấp.

[4]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn G. Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, nên

cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 148, Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với các nội dung khởi kiện bà X đã rút không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với ông Nguyễn Văn G.

[2.1]. Giao cho bà Nguyễn Thị X được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 10, diện tích 627,3m² theo giấy CNQSD đất số BS 300745 cấp ngày 27/11/2013, đứng tên ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị X và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm có: 01 nhà ở (nhà gỗ) diện tích 78m² có kết cấu khung gỗ, mái lợp tôn, nền xi măng, không trần; mái hiên diện tích 42m² có kết cấu khung gỗ xẻ, mái lợp tôn, không vách, không trần, nền xi măng; nhà bếp diện tích 46,75m² có kết cấu khung gỗ xẻ, mái lợp tôn, nền xi măng, không trần, vách ván; nhà lò sấy diện tích 51,84m² có kết cấu khung gỗ xẻ, không vách, mái lợp tôn, không trần, nền xi măng; chân bồn nước rộng 1,5m cao 5m + bồn nước + Bồn năng lượng mặt trời; 01 giếng đào sâu 6m, xây thành cao 40cm; 02 nhà vệ sinh diện

tích 7,77m² có kết cấu tường xây gạch, không tô trát, không trần, mái lợp tôn, nền xi măng. Toàn bộ tài sản có giá trị là: 4.603.409.384 đồng.

[2.2]. Giao cho ông Nguyễn Văn G được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 627, tờ bản đồ số 10, diện tích 779,9m², theo giấy CNQSD đất số CS 450234 cấp ngày 04/9/2019, đứng tên ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị X và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm có: nhà gồm hai phần, phần nhà bán hàng diện tích 37,5m² có kết cấu tường xây gạch ống, mái lợp tôn, không trần, nền xi măng; phần nhà bếp diện tích 37,50m² có kết cấu khung gỗ xẻ, mái lợp tôn, vách thưng tôn, không trần, nền xi măng; nhà 02 gồm hai phần, phần nhà chính phía trước 58,48m² có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch ống ốp gạch cao 1,8m, có tô trát, sơn màu, trần bê tông cốt thép, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa; nhà chính phía sau diện tích 118,32m² có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch ống ốp gạch cao 1,8m, có tô trát, sơn màu, trần bằng thạch cao, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa; nhà kho diện tích 162m² có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây lửng 1,6m, vách thưng tôn, không trần, nền xi măng; tường rào 12,4m² có kết cấu tường xây gạch ống, có tô trát; chân bồn nước khung sắt V6 rộng 1,65m + bồn nước nhãn hiệu Đại Thành 2000L + Bình năng lượng mặt trời. Toàn bộ tài sản có giá trị là 6.244.650.377 đồng.

Ông Nguyễn Văn G phải bù tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị X là 820.620.497 (*Tám trăm hai mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 113.424.000 (*một trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 51.543.000 (*năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000459 ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Bà X còn phải nộp 61.881.000 (*sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi một nghìn*) đồng.

Ông Nguyễn Văn G phải chịu 113.424.000 (*một trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 96.064.441 (*chín mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi một*) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp; ông Nguyễn Văn G phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X 41.967.558 (*bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi tám*) đồng chi phí tố tụng do bà X đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trước.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005994 ngày 10/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk G'long;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thị Thông

